

## TÌM ĐIỂM CÂN BẰNG

### CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

<b>MUA</b>	VN-Index vẫn đang chịu ảnh hưởng của vùng kháng cự mạnh nhưng chừng nào chưa đánh mất điểm đỡ gần tại 1.230 điểm, cơ hội hồi phục cho dòng tiền đến sau.
<b>BÁN</b>	Sau khi chốt lời một phần vị thế T+, nhà đầu tư được khuyến nghị nắm giữ phần còn lại và chỉ bán giảm tỷ trọng trong trường hợp VN-Index phá vỡ mốc hỗ trợ gần ở 1.230 điểm.

### ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

<b>NKG</b>	<b>MUA</b>
	<b>↑ 19,42%</b>
	<b>VND 28.600</b>

### NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Chứng khoán Mỹ giảm điểm vào ngày thứ Sáu (08/03), khép lại một tuần đầy biến động khi đà leo dốc đáng kinh ngạc của cổ phiếu Nvidia đã tạm dừng.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường có tuần điều chỉnh sau 4 tuần tăng liên tiếp. Đây là phiên giảm mạnh nhất kể từ cuối năm 2023 và thanh khoản tăng đột biến là biểu hiện của áp lực bán gia tăng hoặc bán cắt lỗ sau chuỗi đi ngang kéo dài hơn một tuần vừa qua. Thị trường vẫn duy trì được sự phân hóa và dòng tiền liên tục luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu. Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index giảm với cường độ mạnh kèm theo thanh khoản lớn là tín hiệu cần thận trọng, vùng hỗ trợ cho chỉ số trong tuần này ở 1.230 – 1.235 điểm.

### Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	38,722.69	-0.18	2.74
S&P 500	5,123.69	-0.65	7.42
Nasdaq	16,085.11	-1.16	7.15
VIX	14.74	2.08	18.39
DAX	17,814.51	-0.16	6.34
FTSE 100	7,659.74	-0.43	-0.95
CAC40	8,028.01	0.15	6.43
Hang Seng	16,353.39	0.76	-4.07

Nguồn: Bloomberg

### ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



### Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

  

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	61,41	BUY
MACD(12,26)	22,60	BUY
ADX(14)	75,58	OVERBOUGHT
SMA5	1.261,99	SELL
SMA20	1.232,34	BUY
SMA50	1.186,48	BUY
SMA100	1.143,53	BUY
SMA200	1.154,56	BUY

## ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường chứng khoán Mỹ có một tuần giao dịch đầy biến động, do nhà đầu tư chốt lời cổ phiếu Nvidia và đối mặt với những tin hiệu xung đột từ bản báo cáo việc làm. Sau một tuần trở sụt mạnh, 3 chỉ số đều chốt tuần với kết quả là giảm điểm. S&P 500 giảm 0,26% xuống 5.123,69 điểm, trong khi Dow Jones và Nasdaq giảm 0,93% và 1,17% tương ứng xuống 38.722,69 điểm và 16.085,11 điểm. Đây là tuần giảm điểm mạnh nhất của Dow Jones kể từ tháng 10/2023.
- Dữ liệu từ báo cáo việc làm tổng thể tháng 2 cho thấy số lượng việc làm mới trong khu vực phi nông nghiệp của Mỹ trong tháng 2 vừa qua lớn hơn so với dự báo, đạt 275.000 công việc mới so với con số dự báo 198.000 công việc mới. Tuy nhiên, việc làm mới chỉ tập trung vào lĩnh vực dịch vụ, trong khi đó tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ lại bất ngờ tăng nhẹ lên mức 3,9% và mức tăng tiền lương yếu hơn có thể thuyết phục Fed sớm hạ lãi suất.
- Các ngân hàng tiếp tục điều chỉnh giảm lãi suất huy động ngắn hạn trong tuần qua. Các ngân hàng điều chỉnh chủ yếu các mức lãi suất gửi online gồm VPBank, ACB, GPBank, PVCombank, PGBank, BVBank. Mức lãi suất điều chỉnh của các ngân hàng khoảng 0,2-0,3 điểm % ở các kỳ hạn dưới 12 tháng.
- GVR: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đưa ra kế hoạch năm 2024 với doanh thu hợp nhất 24.999 tỷ đồng doanh thu và 3.437 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng nhẹ 1-2% so với kết quả năm ngoái. GVR sẽ thoái vốn ở 8 doanh nghiệp trong đó có các công ty giao dịch cổ phiếu trên sàn chứng khoán như SIP, VGR, EIC, VIR.
- GAS: Từ ngày 15/3 tới đây, Tổng công ty Khí Việt Nam (PV GAS) sẽ triển khai cung cấp khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) phục vụ sản xuất công nghiệp. Máng LNG sẽ là tâm điểm của doanh nghiệp trong 3 năm tới do chưa có mỏ khí lớn mới trong nước cho đến 2026-2027.
- TCM: Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công đưa ra kế hoạch doanh thu thuần dự kiến hơn 3.707 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế dự kiến hơn 161 tỷ đồng, tăng 21% so với kết quả thực hiện trong năm 2023.
- VNM: Ngày 18/3 là ngày giao dịch không hưởng quyền dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 và tạm ứng cổ tức đợt 3/2023 (9% tương ứng 900đ/cp) của Vinamilk. Tính cả đợt chia sắp tới đây, tổng tỷ lệ cổ tức mà Vinamilk chia là 29%

Nguồn: VPBankS Research

## Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2,182.11	0.15	5.77
Dầu WTI	77.42	-0.76	8.05
Dầu Brent	81.52	-0.68	5.82
Than	134.40	-0.81	-8.20
Đồng	8,579.50	-0.71	0.24
Quặng sắt	116.60	-1.90	-15.46
Thép	547.50	-0.82	-3.04

## Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	102.641	-0.07	1.29
USD/JPY	146.68	0.26	-3.85
USD/CNY	7.1873	0.07	-1.21
EUR/USD	1.0944	0.05	-0.86
GBP/USD	1.2857	-0.01	0.99

## Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	20/03/2024	0
ECB	4,50%	-	0
BOE	5,25%	21/03/2024	0
BOJ	-0,10%	19/03/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

## Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	1,446.18	30,300	-2.26
SSI	1,336.50	36,800	-2.39
STB	1,075.76	30,650	-2.08
VND	1,566.84	23,500	0.00
MWG	988.43	47,750	-2.55

## Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	531,522.58	95,100	-0.73
BID	291,292.27	51,100	-4.13
CTG	185,264.72	34,500	-3.63
VHM	185,278.34	42,550	-1.50
GAS	182,590.82	79,500	-1.12

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

# NKG

**Khuyến nghị**
**MUA**
**Giá hiện tại**
**23.950**
**Giá mục tiêu**
**28.600**
**Tiềm năng tăng giá**
**19,42%**
**Vùng giải ngân**
**22.000 - 22.800**
**Ngưỡng cắt lỗ**
**<20.600 (6%)**

## THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Lũy kế cả năm, NKG đạt gần 18.596 tỷ đồng doanh thu – giảm 19% và 117 tỷ đồng lãi ròng so với mức lỗ 124 tỷ đồng năm ngoái. So với kế hoạch 2023, NKG đạt 93% mục tiêu doanh thu và 44% kế hoạch lãi sau thuế.
- Tổng tài sản của NKG đạt gần 12.235 tỷ đồng giảm 9% so với đầu năm do hàng tồn kho giảm. Nợ vay và thuê tài chính ngắn hạn ở mức 4.767 tỷ đồng, giảm gần 7%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Dòng tiền đang có xu hướng lựa chọn nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình. NKG đang có nhịp điều chỉnh ngắn hạn khi áp lực chốt lời ở thị trường chung tăng lên. Tuy nhiên chúng tôi kỳ vọng cổ phiếu sẽ sớm tìm được điểm cân bằng khi xu hướng tăng trung hạn từ cuối năm 2022 vẫn giữ vững. Nhà đầu tư có thể canh mua cổ phiếu NKG trong các nhịp rung lắc với vùng hỗ trợ gần là vùng nằm giữa đường MA100 và đường MA200 (22.000 – 22.800 đồng), tăng tỷ trọng nếu vượt vùng 24.300 đồng.

## Thông tin tài chính

	FY2021	FY2022	Q4 2023
<b>DTT (tỷ đ)</b>	5.810	9.372	2.065
<b>LNTT (tỷ đ)</b>	2.400	3.879	682
<b>LNST (tỷ đ)</b>	2.135	3.515	643
<b>Nợ/VCSH (%)</b>	73	59	52
<b>ROE (%)</b>	14,99	18,69	13,33
<b>ROA (%)</b>	7,09	8,19	6,36
<b>EPS (VNĐ)</b>	4.539	6.588	5352,00
<b>P/E (lần)</b>	11,5	9,4	11,77
<b>P/B (lần)</b>	1,61	1,64	1,49

Nguồn: VPBankS Research

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

CTCP Thép Nam Kim - 1D - HSX 024.70 H24.70 L23.95 C23.95 -0.60 (-2.44%)

▼7



## Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
<b>Xu hướng</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>	<b>BUY</b>
<b>Chỉ báo kỹ thuật</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Hành động</b>	
<b>RSI (14)</b>	<b>46,35</b>	<b>NEUTRAL</b>	
<b>MACD(12,26)</b>	<b>-13,40</b>	<b>SELL</b>	
<b>ADX(14)</b>	<b>23,82</b>	<b>SELL</b>	
<b>SMA5</b>	<b>24.370</b>	<b>SELL</b>	
<b>SMA20</b>	<b>23.210</b>	<b>SELL</b>	
<b>SMA50</b>	<b>24.296</b>	<b>SELL</b>	
<b>SMA100</b>	<b>22.715</b>	<b>BUY</b>	
<b>SMA200</b>	<b>20.728</b>	<b>BUY</b>	

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
<b>Danh mục theo dõi</b>										
1	REE	Theo dõi	61,8-63,5			73,2	59,2			
<b>Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua</b>										
1	VCG	Nắm giữ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9			-1,79%
2	DGW	Nắm giữ	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9			3,57%
3	STB	Nắm giữ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1			0,00%
4	VND	Nắm giữ	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8			2,17%
5	MWG	Nắm giữ	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2			3,16%
6	VCI	Nắm giữ	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5			3,58%

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

## DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
5	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
6	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
7	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
8	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
9	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
10	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
11	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
12	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
13	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
14	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
15	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
16	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
17	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
18	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
19	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
20	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%
21	VCI	Chốt lời	37,8-39	13/11/2023	39	43,8	36,7	22/11/2023	43,6	11,79%

# DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	STB	Cắt lỗ	27,3-28,4	7/12/2023	27,5	31,1	26,3	18/12/2023	26,3	-4,36%
2	VCG	Chốt lời	22,6-23	20/11/2023	22,4	26,1	21,2	25/12/2023	24,5	9,38%
3	VND	Chốt lời	20,3-20,8	20/11/2023	20	24,2	19,6	25/12/2023	21,7	8,50%
4	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2024	56,7	13,40%
7	HSG	Chốt lời	21-21,8	10/1/2024	21,5	23,9	20,2	29/1/2024	23,45	9,07%
8	CTS	Chốt lời	28-28,85	9/1/2024	28,7	32,1	27	5/2/2024	31,3	9,06%
9	DCM	Chốt lời	31-32,5	22/11/2023	31,5	36,7	30	16/2/2024	34	7,94%
10	HAH	Chốt lời	38-39,5	10/1/2024	38,9	43,3	36,5	19/2/2024	41,45	7,46%
11	PVD	Chốt lời	26,5-27,2	22/1/2024	27,2	30,6	25,4	20/2/2024	28,95	6,62%
12	VCI	Chốt lời	41,5-42,5	29/12/2023	42	48,2	40	21/2/2024	45	7,14%
13	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
14	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
15	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%

Email: [Chienluochitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluochitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới  
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại:

## Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Mã CP	NVL	TỶ LỆ
Mas	16-16.5	
Cái B	Đuối 14	-(-17%)
Châu B1 (1.9%)	18-19	-13%-18%
Châu B1 (1.9%)	21-22	-18-37%
Mã CP	MES	TỶ LỆ
Mas	65-66	
Cái B	Đuối 59	-(-5%)
Châu B1 (1.9%)	72-73	-13%-14%
Châu B1 (1.9%)	Nằm gọn	
Mã CP	GEX	TỶ LỆ
Mas	21-21.5	
Cái B	10.8	-(-4%)
Châu B1 (1.9%)	33-34	-7%-12%
Châu B1 (1.9%)	35.5-36	-13%-14%

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mô chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Góc đầu tư	99800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (tỷ kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

### Một số mã có phiếu đáng chú ý:

- BNP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)